

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2013
CỦA CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ**

Nghệ An, tháng 09 năm 2014

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2013
CỦA CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ**

Nghệ An, tháng 09 năm 2014

3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220	172.796.045.008	172.796.045.008	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	172.146.999.912	172.146.999.912	
- Nguyên giá	222	250.558.383.447	250.558.383.447	
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(78.411.383.535)	(78.411.383.535)	
2. Tài sản cố định thuê tài chính :	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình :	227			
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229			
4. Chi phí xây dựng dở dang	230	649.045.096	649.045.096	
III. Bất động sản đầu tư	240			
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258			
4. Dự phòng giảm giá đầu tư TC dài hạn	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260	556.871.466	556.871.466	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	556.871.466	556.871.466	
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	222.771.432.575	223.167.070.246	395.637.671
NGUỒN VỐN:				
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+320)	300	80.190.968.177	80.136.691.595	(54.276.582)
I. Nợ ngắn hạn	310	19.926.005.072	19.871.728.490	(54.276.582)
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	3.081.076.000	3.081.076.000	
2. Phải trả người bán	312	454.072.644	454.072.644	
3. Người mua trả tiền trước	313	4.034.560.492	3.830.312.492	(204.248.000)

2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433	-	-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	222.771.432.575	223.167.070.246	395.637.671

* Nguyên nhân chênh lệch:

TÀI SẢN TĂNG:

			395.637.671 đ
1 Phải thu khách hàng tăng			137.694.970 đ
- Do đơn vị chưa hạch toán lãi dự thu về các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng			137.694.970 đ
2 Các khoản phải thu khác tăng			47.459.431 đ
- Do đơn vị hạch toán khoản phải thu người lao động về tiền ứng trước cho người lao động để nộp thuế TNCN vào khoản thuế và các khoản phải thu nhà nước			47.459.431 đ
3 Hàng tồn kho tăng			257.942.701 đ
- Do đơn vị không phân bổ chi phí khấu hao cho sản phẩm dở dang cuối kỳ làm giảm hàng tồn kho cuối năm			257.942.701 đ
4 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước giảm			47.459.431 đ
- Giải thích tại biểu thuế			47.459.431 đ
			395.637.671 đ
NGUỒN VỐN TĂNG:			
1 Người mua trả tiền trước giảm			204.248.000 đ
- Do đơn vị chưa hạch toán thu nhập về các khoản đã được chủ đầu tư hỗ trợ đền bù GPMB			204.248.000 đ
2 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tăng			149.971.418 đ
- Do doanh thu chi phí thay đổi (tăng lãi, tăng thuế TNDN).			149.971.418 đ
3 Nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu tăng			91.359.689.240 đ
- Do đơn vị hạch toán thiếu phần vốn nhà nước đã cấp cho doanh nghiệp.			91.359.689.240 đ
4 Vốn khác của chủ sở hữu giảm			91.359.689.240 đ
- Do đơn vị hạch toán phần vốn nhà nước đã cấp cho doanh nghiệp sang khoản mục vốn khác của chủ sở hữu không đúng chế độ qui định.			91.359.689.240 đ
5 Lợi nhuận chưa phân phối tăng			449.914.253 đ
- Do kết quả kiểm toán thay đổi.			449.914.253 đ

2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2013

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	MS	Số báo cáo	Số kiểm toán	Chênh lệch
A		1	2	3=2-1
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:	01	71.108.156.516	71.108.156.516	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và CCDV (10=01-02)	10	71.108.156.516	71.108.156.516	
4. Giá vốn hàng bán	11	52.388.498.185	52.130.555.484	(257.942.701)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và CCDV (20=10-11)	20	18.719.658.331	18.977.601.032	257.942.701
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	740.347.619	878.042.589	137.694.970
7. Chi phí tài chính	22	4.078.985.506	4.078.985.506	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	4.078.985.506	4.078.985.506	
8. Chi phí bán hàng	24	5.691.903.570	5.691.903.570	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	8.310.499.997	8.310.499.997	
10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD (30=20+(21-22)-(24+25))	30	1.378.616.877	1.774.254.548	395.637.671
11. Thu nhập khác	31	81.522.073	285.770.073	204.248.000
12. Chi phí khác	32	37.961.412	37.961.412	
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	43.560.661	247.808.661	204.248.000
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50	1.422.177.538	2.022.063.209	599.885.671
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	355.544.385	505.515.803	149.971.418
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-	
17. Lợi nhuận sau thuế TN doanh nghiệp	60	1.066.633.153	1.516.547.406	449.914.253
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	-	-	

* Nguyên nhân chênh lệch:

- | | | |
|---|---|---------------|
| 1 | Giá vốn hàng bán giảm | 257.942.701 đ |
| | - Do đơn vị không phân bổ chi phí khấu hao cho sản phẩm dở dang cuối kỳ làm tăng giá vốn hàng bán | 257.942.701 đ |
| 2 | Doanh thu về hoạt động tài chính tăng | 137.694.970 đ |
| | - Do đơn vị chưa hạch toán lãi dự thu về các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng | 137.694.970 đ |
| 3 | Thu nhập khác tăng | 204.248.000 đ |

cuối năm thực hiện kiểm kê, đánh giá, phân loại theo quy định. Tuy nhiên, trong công tác hạch toán hàng tồn kho chưa chính xác do đơn vị không phân bổ chi phí khấu hao cho sản phẩm dở dang cuối kỳ; Kiểm toán xác định tăng hàng tồn kho so với số báo cáo 257,9 tr.đ.

- *Quản lý tài sản ngắn hạn khác*: Số dư tài sản ngắn hạn đến 31/12/2013 là 507,6 tr.đ là các khoản tạm ứng cuối năm chưa thanh toán. Qua kiểm toán cho thấy đơn vị đã mở sổ theo dõi từng đối tượng nợ tạm ứng, thanh toán tạm ứng theo quy định. Tuy nhiên, qua kiểm toán xác định giảm thuế và các khoản phải thu nhà nước giảm 47,4 tr.đ do đơn vị hạch toán khoản phải thu người lao động về tiền ứng trước cho người lao động để nộp thuế thu nhập cá nhân vào khoản mục phải thu ngân sách nhà nước.

- *Quản lý tài sản cố định*: Tổng giá trị tài sản cố định đến ngày 31/12/2013 là 172.796,04 tr.đ, chiếm 77,43% tổng tài sản, trong đó:

+ *Tài sản cố định hữu hình*: Đến 31/12/2013 là 172.147,0 tr.đ (Nguyên giá: 250.558,38 tr.đ, gồm: Nhà cửa vật kiến trúc 39.518,57 tr.đ; máy móc thiết bị truyền dẫn 207.041,92 tr.đ; phương tiện vận tải 3.638,99 tr.đ; dụng cụ quản lý 358,90 tr.đ); Giá trị hao mòn lũy kế: 78.411,38 tr.đ, gồm: Nhà cửa vật kiến trúc 10.518,22 tr.đ; máy móc thiết bị truyền dẫn 64.529,33 tr.đ; phương tiện vận tải 3.103,63 tr.đ; dụng cụ quản lý 260,20 tr.đ.

Qua kiểm toán cho thấy đơn vị đã chấp hành quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 và Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, cuối năm thực hiện kiểm kê TSCĐ theo quy định.

+ *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*: Số dư đến 31/12/2013 là 649,04 tr.đ. Qua kiểm toán cho thấy đơn vị theo dõi, hạch toán và tập hợp chi phí xây dựng cơ bản dở dang đúng theo quy định.

- *Quản lý tài sản dài hạn khác*: Tổng tài sản dài hạn khác đến thời điểm 31/12/2013 là 556,87 tr.đ (chi phí trả trước dài hạn), chiếm 0,25% tổng tài sản, chủ yếu là công cụ, dụng cụ sử dụng nhiều lần chưa phân bổ hết, việc quản lý tài sản dài hạn đúng quy định.

b/ Quản lý nguồn vốn

b1. Quản lý nợ phải trả: Tổng số nợ phải trả đến thời điểm 31/12/2013 là 80.469 tr.đ, chiếm 36,06 % tổng nguồn vốn, gồm:

* *Nợ ngắn hạn*: Số dư đến 31/12/2013 là 20.204,08 tr.đ chiếm 9,05% tổng nguồn vốn, gồm:

- *Vay và nợ ngắn hạn*: Số dư đến ngày 31/12/2013 là 3.081,07 tr.đ là khoản nợ dài hạn đến hạn trả cho Ngân hàng ADB để đầu tư hệ thống cấp nước tại huyện Gio Linh và thành phố Đông Hà.

Đơn vị đã mở sổ kế toán chi tiết để theo dõi nợ đến hạn trả, cuối năm tiến hành đối chiếu xác nhận số dư nợ gốc và lãi với ngân hàng giao dịch theo quy định.

qua kiểm toán xác định tăng 204,2 tr.đ, do đơn vị chưa hạch toán thu nhập về các khoản đã được Chủ đầu tư hỗ trợ tiền đền bù giải phóng mặt bằng thu được từ năm trước.

b/ Quản lý chi phí

- *Giá vốn hàng bán*: Giá vốn hàng bán đến ngày 31/12/2013 là 52.388,4 tr.đ, trong đó: Giá vốn nước 38.779,5 Tr.đ; giá vốn lắp đặt công trình 13.416,07 tr.đ; giá vốn khác 192,8 tr.đ. Qua kiểm tra tổng hợp và kiểm tra chi tiết cho thấy đơn vị đã tính và phân bổ các yếu tố chi phí nguyên vật liệu, tiền lương, chi phí máy, chi phí chung vào giá thành đơn vị sản phẩm phù hợp với các định mức kinh tế kỹ thuật và xác định giá vốn hàng bán cơ bản đảm bảo hợp lý, phù hợp với doanh thu. Tuy nhiên trong công tác xác định chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối năm chưa đảm bảo tính chính xác. Kiểm toán xác định giảm giá vốn hàng bán 257,9 tr.đ. đồng thời tăng hàng tồn kho 257,9 tr.đ.

- *Chi phí bán hàng*: Chi phí bán hàng năm 2013 là 5.691,9 Tr.đ, gồm: chi phí vật tư đầu nối 8.728,6 tr.đ; chi phí công cụ dụng cụ 6.952,7 tr.đ; chi phí khác 290 tr.đ. Qua kiểm tra cho thấy đơn vị đã mở sổ theo dõi, hạch toán đúng kỳ kế toán, các khoản chi phí đảm bảo hóa đơn chứng từ hợp lý, hợp lệ theo quy định.

- *Chi phí quản lý doanh nghiệp*: Số phát sinh năm 2013 là 8.310,4 tr.đ, gồm: chi phí nhân viên quản lý 4.031,9 tr.đ; khấu hao TSCĐ 475,05 tr.đ; chi phí dịch vụ mua ngoài 1.218,8 tr.đ; chi phí bằng tiền khác 1.964,3 tr.đ; đồ dùng văn phòng 439,6 tr.đ; thuế, phí và lệ phí 180,8 tr.đ. Qua kiểm tra chọn mẫu chứng từ cho thấy đơn vị đã mở sổ theo dõi và hạch toán đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại đơn vị, có hóa đơn chứng từ theo quy định.

- *Chi phí tài chính*: Năm 2013 là 4.078,9 tr.đ là các khoản lãi vay phải trả của đơn vị. Qua kiểm tra cho thấy đơn vị đã mở sổ theo dõi và hạch toán đầy đủ và phản ánh chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

- *Chi phí khác*: Chi phí khác của đơn vị trong năm là 37,9 tr.đ chủ yếu là chi phí thực hiện đền bù giải phóng mặt bằng. Đơn vị đã theo dõi, hạch toán đảm bảo theo quy định.

1.3. Chấp hành nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước

Tổng số thuế và các khoản phải nộp Nhà nước đến 31/12/2013 là 959,8 tr.đ (trong đó: thuế GTGT 212,6 tr.đ; thuế TNDN 505,5 tr.đ; thuế tài nguyên 40,4 tr.đ; thuế, phí lệ phí khác 201,3 tr.đ). Đơn vị đã kê khai, nộp tờ khai thuế GTGT, thuế TNDN, thuế tài nguyên, thuế TNCN, phí nước thải cơ bản đầy đủ, kịp thời theo qui định. Tuy nhiên, qua kiểm toán xác định tăng so với số báo cáo của đơn vị 149,9 tr.đ thuế TNDN. Nguyên nhân, do kiểm toán giảm giá vốn hàng bán 257,9 tr.đ, tăng doanh thu tài chính 137,7 tr.đ, tăng thu nhập khác 204,2 tr.đ làm tăng tổng thu nhập chịu thuế 599,8 tr.đ (Đã được giải thích chi tiết tại phần 2 Báo cáo kết quả SXKD mục nguyên nhân chênh lệch).

1.4. Chấp hành chế độ kế toán

Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị áp dụng Luật Kế toán, Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết

- Công ty thực hiện kê khai thuế GTGT và TNDN, thuế tài nguyên, phí nước thải hàng tháng theo quy định hiện hành. Tuy nhiên, trong công tác kê khai hạch toán thuế TNDN vẫn còn sai sót.

- Công ty thực hiện xây dựng kế hoạch đơn giá tiền lương năm 2013 đã được các ngành chức năng kiểm tra, giám sát.

- Công ty chấp hành tốt việc trích nộp BHXH, BHYT, BHTN theo quy định, 100% CB CNV sổ BHXH và thẻ BHYT.

- Công ty chấp hành tốt chế độ báo cáo theo qui định và chịu sự kiểm tra và giám sát của Ủy ban nhân dân tỉnh và pháp luật hiện hành theo Nghị định số 61/2013/NĐ-CP ngày 25/6/2013 của Chính phủ.

4.2. Công khai tài chính

Công ty đã thực hiện công khai tài chính, hiệu quả sử dụng và bảo toàn vốn nhà nước tại Công ty, tình hình quản trị công ty, tình hình tiền lương, thù lao, tiền thưởng và thu nhập bình quân hàng tháng năm trước liền kề của từng viên chức quản lý doanh nghiệp tại Báo cáo tổng kết công tác năm 2013 và phương hướng nhiệm vụ chủ yếu năm 2014 trình đại hội đại biểu công nhân viên chức năm 2014 số 12/BC-CN&XD ngày 9/1/2014.

5. Công tác thực hiện Luật phòng chống tham nhũng và Luật thực hành tiết kiệm chống lãng phí

Qua kiểm toán cho thấy đơn vị đã thực hiện nghiêm túc các quy chế như: Quy chế quản lý nội bộ của đơn vị quy định chế độ công tác phí, chế độ ăn ca, làm đêm, chế độ tiếp khách, quy chế quản lý lao động và tiền lương... Quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, chủ tịch, giám đốc và ban lãnh đạo của công ty được qui định cụ thể trong điều lệ của Công ty được UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt tại Quyết định số 2332/QĐ-UBND ngày 12/11/2007; Quyết định số 918/QĐ-UBND ngày 21/5/2009 và 2507/QĐ-UBND ngày 9/12/2013 của UBND tỉnh. Đơn vị đã thực hiện kê khai tài sản, thu nhập đối với các cán bộ chủ chốt của Công ty hàng năm và gửi báo cáo cho UBND tỉnh; Cuối năm đã thực hiện các quy định về công khai tài chính, các quỹ, công khai việc đầu tư, mua sắm và xây dựng cơ bản; kiểm tra việc sử dụng vốn, tài sản tại đơn vị đảm bảo việc sử dụng đúng quy định, áp dụng các hình thức khoán chi phí cho các lĩnh vực, bộ phận, đã thể hiện việc chấp hành Luật Phòng chống tham nhũng và Luật Thực hành tiết kiệm chống lãng phí ở các khâu trong quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh. Việc tổ chức thực hiện các quy định của đơn vị cơ bản đảm bảo chặt chẽ theo quy định. Tuy nhiên, đơn vị chưa xây quy chế quản lý tài chính theo quy định tại Thông tư 117/2010/TT-BTC ngày 5/8/2010 và Nghị định 71/2013/NĐ-CP ngày 11/7/2013 của Chính phủ.

III. TÍNH KINH TẾ, HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ TRONG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VỐN, TIỀN VÀ TÀI SẢN NHÀ NƯỚC

Một số chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động SXKD của doanh nghiệp (ngoài các chỉ tiêu đánh giá khả năng thanh toán các khoản nợ và chỉ tiêu quản lý vốn chủ sở hữu đã nêu ở phần trên)

- Doanh thu thuần bán hàng cung cấp dịch vụ năm 2013 là 71.108,1 tr.đ, so với năm 2012 giảm 0,88%.

- Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh trước thuế năm 2013 là 2.022,06 tr.đ, so với năm 2012 tăng 35,90%.

- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/vốn chủ sở hữu: 1,41%.

- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu: 2,84%.

- Vòng quay vốn (doanh thu/vốn chủ sở hữu): 0,50 lần cho thấy 1 đồng vốn kinh doanh quay được 0,50 vòng trong năm 2013, không thay đổi so với năm 2012 (năm 2012 là 0,50 lần);

- Hệ số sinh lời của tài sản (lợi nhuận trước thuế/tài sản) năm 2013 là 0,91%, thấp hơn năm 2012 là 0,25% (năm 2012 là 0,66%).

*Qua phân tích các chỉ số trên, cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị năm 2013 có hiệu quả và tăng so với năm trước.

PHẦN THỨ HAI

KIỂM NGHỊ

1. Đối với Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị

1.1. Kiến nghị điều chỉnh số kế toán, Báo cáo tài chính

Điều chỉnh số liệu trên số kế toán, Báo cáo tài chính cho phù hợp với kết luận của Kiểm toán Nhà nước.

1.2. Kiến nghị về xử lý tài chính

Nộp NSNN số thuế TNDN do Kiểm toán Nhà nước xác định tăng thêm 149.971.418 đồng.

1.3. Kiến nghị chấn chỉnh công tác quản lý tài chính, kế toán

- Xây quy chế quản lý tài chính theo Nghị định 09/2009/NĐ-CP ngày 5/2/2009 của Chính phủ;

- Ban hành quy chế quản lý các khoản nợ phải thu, trích lập dự phòng phải thu khó đòi để bảo toàn vốn nhà nước theo qui định tại Điều 25, Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11/7/2013 của Chính phủ.

2. Đối với Cục Thuế Quảng Trị

Đôn đốc Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị thực hiện nghiêm túc những kiến nghị về số liệu của Kiểm toán Nhà nước.

3. Đối với UBND tỉnh Quảng Trị

- Chỉ đạo Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị thực hiện nghiêm túc những kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước.

- Chỉ đạo Sở Tài chính thẩm định phương án tăng vốn điều lệ cho Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị phù hợp với giá trị tài sản UBND tỉnh Quảng Trị đã bàn giao cho Công ty quản lý và sử dụng.

4. Đối với Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị

Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước đối với đơn vị được kiểm toán.

Đề nghị Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị thực hiện nghiêm túc, kịp thời các kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước và báo cáo kết quả thực hiện về về Sở tài chính tỉnh Quảng Trị và Cục Thuế tỉnh Quảng Trị để tổng hợp báo cáo Kiểm toán Nhà nước khu vực II, địa chỉ: số 6A- Đường Trường Thi, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An trước ngày 31/12/2014.

Riêng kiến nghị tăng thu NSNN số tiền 149.971.418 đồng chi thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện về Sở tài chính tỉnh Quảng Trị và Cục Thuế tỉnh Quảng Trị để tổng hợp báo cáo KTNN Khu vực II, địa chỉ Số 06 A - phường Trường Thi - TP Vinh - tỉnh Nghệ An khi KTNN có Công văn gửi Kho bạc Nhà nước và đơn vị được kiểm toán.

Báo cáo kiểm toán này gồm 18 trang, từ trang 01 đến trang 18 và phụ lục 01 là bộ phận không tách rời của Báo cáo kiểm toán./.

TỔ TRƯỞNG TỔ KIỂM TOÁN



Phạm Quang Hưng
Số hiệu thẻ KTVNN: C0497/KTV

TRƯỞNG ĐOÀN KTNN



Võ Tiên Thịnh
Số hiệu thẻ KTVNN: B0286/KTVC

Nơi nhận:

- Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Quảng Trị;
- HĐND tỉnh Quảng Trị;
- UBND tỉnh Quảng Trị;
- Sở tài chính Quảng Trị;
- Cục Thuế Quảng Trị;
- Tổ kiểm toán;
- Lưu: HSKT.

KIỂM TOÁN TRƯỞNG



Nguyễn Hồng Thái

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực 4 4 9 6 Quyền số 0 1
04-11-2015

Ngày:.....

Người thực hiện chứng thực ký tên



18

Nguyễn Bá Thi

**BẢNG TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ TĂNG THU, GIẢM CHI NĂM 2013
TẠI CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ XÂY DỰNG QUẢNG TRỊ**

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền	Ghi chú
A	B	1	2
I	Các khoản phải nộp NSNN	149.971.418	
1	Thuế GTGT		
2	Thuế TNDN	149.971.418	
3	Thuế tài nguyên		
4	Thuế TNCN		
5	Các khoản khác		
II	Giảm thanh toán		
III	Giảm trừ dự toán		
IV	Các khoản giảm chi khác		
1			
...			